

Bản án số: 35/2018/HS-ST
Ngày 17 - 8 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Xuân Thanh;

Bà Trần Thị Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Đình Quế Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 39/2018/TLST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Thị Thu S; Sinh năm: 1985, tại huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú hiện nay: 60/2 đường 36, khu phố 8, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Số CMND 311856060; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không có. Con ông Lê Văn P, sinh năm: 1952 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954; Chồng: B, sinh năm 1967. Quốc tịch: Ấn Độ; Con: Có 01 người, sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không có. Bị can bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2018. Bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nhâm Mạnh Hà là Luật sư Văn phòng luật sư KP, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người có quyền nghĩa vụ liên quan: Lê Văn Đ, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 45 phút ngày 06/6/2018, tại khu vực ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh, Đoàn biên phòng Cửa khẩu quốc tế Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh bắt quả tang Lê Thị Thu S nhập cảnh trái phép từ Campuchia vào Việt Nam mang theo số tiền 28.300 USD được cất giấu trong túi xách cá nhân và túi quần nên tiến hành tạm giữ người cùng tang vật. Vụ việc được chuyển giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xử lý theo thẩm quyền.

Qua điều tra, S khai nhận: Khoảng 14 giờ ngày 05/6/2018, có hai người phụ nữ quen qua mạng xã hội tên N, T và một người đàn ông khoảng 40 tuổi (không rõ lai lịch) đến nhà S. Tại đây, T thuê S chuyển số tiền 46.300 USD cho người tên P.T Y tại Indonexia, S đồng ý và thỏa thuận tiền công vận chuyển là 3.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền 46.300 USD và 3.000.000 đồng, S liên hệ với người bạn quen qua mạng xã hội tên Em V T, quốc tịch Campuchia nhờ hướng dẫn cách chuyển tiền.

Đến khoảng 07 giờ ngày 06/6/2018, S mang 46.300 USD qua thành phố BaVet, tỉnh SvâyRiêng, Campuchia bằng đường tiểu ngạch gặp Em V T nhờ chuyển 18.000 USD S Indonexia. Còn lại, 18.300 USD S cất trong túi vải màu đỏ đeo trên người và 10.000 USD cất giấu trong túi quần dài bên phải nhập cảnh trái phép về Việt Nam, khi đến chốt cảnh giới Long An thuộc ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh thì bị bắt.

Kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐG ngày 13/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh kết luận số tiền 28.300 USD có giá trị là 644.815.500 đồng.

Bản kết luận giám định số 2559/C54B ngày 20/6/2018 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận số tiền 283 tờ mệnh giá 100 USD là tiền thật.

Vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ trong vụ án gồm: 28.300 USD và tiền Việt Nam 3.000.000 đồng; 01 Hộ chiếu số B.2474102 cấp ngày 22/8/2008, tên Lê Thị Thu S; 01 Điện thoại di động Samsung màu trắng (đã qua sử dụng); 01 Điện thoại di động, hiệu OPPO màu đen (đã qua sử dụng), **01 túi vải màu đỏ** (đã qua sử dụng) .

Đối với người tên N, T và người đàn ông khoảng 40 tuổi chưa rõ lai lịch nên chưa làm việc được, khi nào làm việc được xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 39/CT - KSĐT ngày 25 tháng 07 năm 2018, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh đã truy tố Lê Thị Thu S về tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới” theo quy định tại Khoản 3 Điều 189 của Bộ luật Hình sự .

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Thu S đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, người có quyền nghĩa vụ liên quan: ông Đ trình bày số tiền 3.000.000 đồng anh nộp tại cơ quan điều tra là tiền của bị cáo S nhờ anh nộp không phải tiền của anh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Thị Thu S phạm tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới”. Áp dụng Khoản 3 Điều 189 của Bộ luật hình sự; **điểm s Khoản 1 Điều 51 và 54** Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị Thu S mức án từ **03 đến 04 năm tù**. Miễn hình **phạt bổ sung cho bị cáo S**, đồng thời đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo S trình bày lời bào chữa: Luật sư thống nhất với vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, là bị cáo S phạm tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới” theo Khoản 3 Điều 189 Bộ luật Hình sự là đúng. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo phạm tội xuất phát từ việc bị cáo có bệnh, nhận thức pháp luật bị hạn chế, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm; bị cáo tự nguyện sửa chữa nộp lại tiền thu lợi bất chính; bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, bị cáo **chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo** có cha là người có công với nước, được nhà nước tặng nhiều giấy khen, có ông ngoại là liệt sĩ, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng **điểm b, h, t, q Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và 54** Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thị Thu S **Đ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo** ở mức án là **02 năm tù**. Miễn hình **phạt bổ sung cho bị cáo S**, đồng thời đề nghị trả lại những tài sản không liên quan đến quá trình thực hiện tội phạm.

Bị cáo thống nhất với lời bào chữa của luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa, không có ý kiến bổ sung gì thêm.

Người có quyền nghĩa vụ liên quan: ông Đ không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo S đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Cầu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không

có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo thể hiện: Ngày 06/6/2018, tại khu vực thuộc ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh, Lê Thị Thu S mang theo số tiền 28.300 USD từ Campuchia nhập cảnh trái phép vào Việt Nam qua đường tiểu ngạch không khai báo Hải quan thì bị bắt, theo kết luận giám định số 2559/C54B ngày 20/6/2018 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận là tiền thật, **theo** kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐG ngày 13/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh kết luận số tiền 28.300 USD có giá trị là 644.815.500 đồng. **Do đó hành vi của bị cáo Lê Thị Thu S đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới” được quy định tại Khoản 3 Điều 189 của Bộ luật hình sự .**

[3] Vụ án mang tính chất rất nghiêm trọng. Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bản thân của bị cáo là người đã thành niên, bị cáo thường xuyên qua lại biên giới, biết quy định của Nhà nước về việc xuất nhập cảnh, khai báo Hải quan hàng hóa, tiền tệ nhưng bị cáo không tuân thủ. Ngày 06/6/2018 Lê Thị Thu S nhập cảnh trái phép từ Campuchia vào Việt Nam qua đường tiểu ngạch mang theo số tiền 28.300 USD không khai báo Hải quan thì bị bắt. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước nên cần có hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục răn đe các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[4] Khi quyết định hình phạt có xem xét:

+ Về tình tiết tăng nặng:

Bị cáo S không chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

+ Về tình tiết giảm nhẹ:

Hội đồng xét xử xét thấy: tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có cha là người có công, được nhà nước tặng giấy khen, kỷ niệm chương, huy chương, có ông ngoại là liệt sĩ đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà luật sư bào chữa cho bị cáo và kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị quy định tại điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự bị cáo được hưởng là có căn cứ.

Việc luật sư bào chữa cho bị cáo S đề nghị áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h, t, q Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nhưng qua kết quả tranh luận tại phiên tòa giữa luật sư và kiểm sát viên Hội đồng xét xử xét thấy **các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h, t, q**

Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự luật sư đề nghị là không phù hợp, nên không được áp dụng.

[5] Áp dụng hình phạt: Xét đề nghị của của kiểm sát viên và luật sư tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy vụ án mang tính chất rất nghiêm trọng, hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần áp dụng hình phạt tù để cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian, để cải tạo giáo dục cho bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội, biết chấp hành pháp luật.

Tuy nhiên bị cáo là nữ, hoàn cảnh khó khăn, là người vận chuyển thuê để thu có thu nhập, lần đầu thực hiện, bị cáo không chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, do vậy nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử bị cáo dưới khung hình phạt điều luật quy định.

Ngoài ra, xét thấy bị cáo S không có tài sản, nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo S.

[6] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ trong vụ án được xử lý như sau:

- Đối với Số tiền Đô la Mỹ 28.300 USD là tang vật bị cáo vận chuyển trái phép qua biên giới cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 3.000.000 đồng là tiền công bị cáo nhận vận chuyển, đây là khoản thu lợi bất chính cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 Hộ chiếu số B.2474102 cấp ngày 22/8/2008, tên Lê Thị Thu S; 01 Điện thoại di động Samsung màu trắng đây là giấy tờ tùy thân và tài sản của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 Điện thoại di động, hiệu OPPO màu đen, bị cáo đã dùng liên lạc trong quá trình thực hiện tội phạm cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Đối với **01 túi vải màu đỏ** (đã qua sử dụng) bị cáo dùng đựng tiền khi vận chuyển tiền, không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Bị cáo Lê Thị Thu S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Lê Thị Thu S** phạm tội: “*Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới*”.

Áp dụng Khoản 3 Điều 189 của Bộ luật Hình sự 2015; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **Lê Thị Thu S 03 (ba) năm tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06 - 6 - 2018.

2. Vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 túi vải màu đỏ đã qua sử dụng.
- Tịch thu sung nộp Ngân sách Nhà Nước số tiền thu của bị cáo Lê Thị Thu S là 28.300 (Hai mươi tám nghìn ba trăm) USD và 3.000.000 (Ba triệu) đồng; 01 (một) Điện thoại di động, hiệu OPPO màu đen, số IMEI 1: 866907031566093, IMEI 2: 866907031566085 (đã qua sử dụng)
- Trả lại cho bị cáo S: 01 (một) điện thoại di động Samsung màu trắng, số IMEI: 359831069448558 (đã qua sử dụng); (một) 01 Hộ chiếu số B.2474102 cấp ngày 22/8/2008, nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh, tên Lê Thị Thu S.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 01/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.)

3. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo S phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm

Án hình sự sơ thẩm xử công khai, báo cho bị cáo S, ông Đ biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- CA huyện Bến Cầu;
- Chi Cục THADS huyện Bến Cầu;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Mai

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

.....

.....

Nguyễn Hoàng Mai

